

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



**BÀI VIẾT THÁNG 2/2026**  
**“XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG THÁNG 01/2026 GHI NHẬN MỨC CAO KỶ LỤC”**

**Thuộc nhiệm vụ:**

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại.**

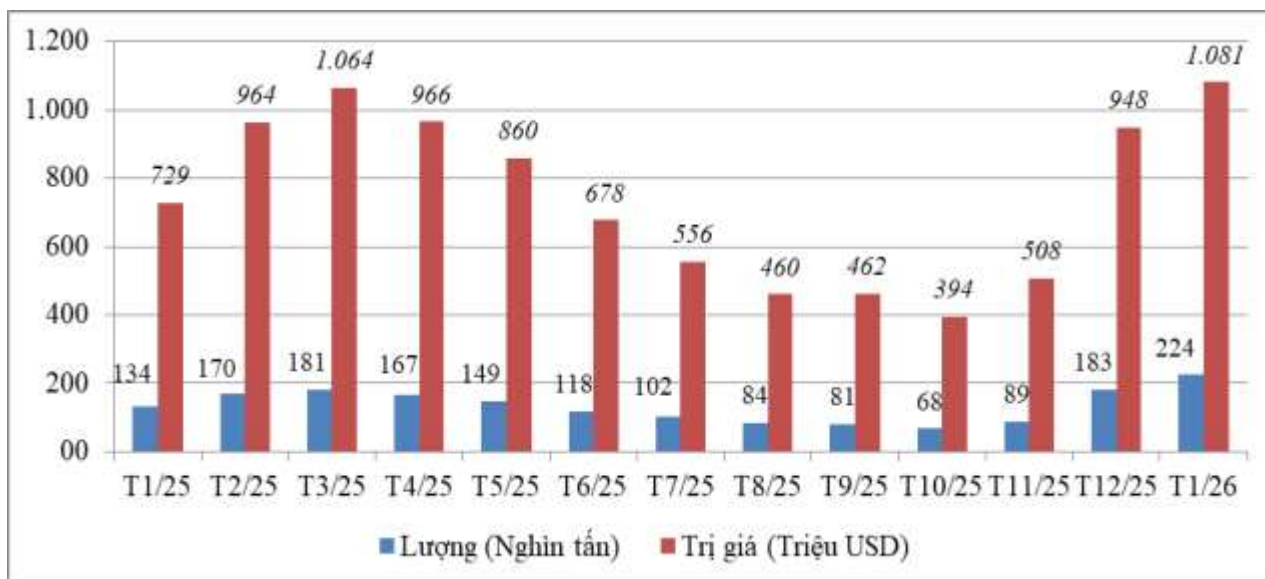
*Hà Nội, tháng 2/2026*

## XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG THÁNG 01/2026 GHI NHẬN MỨC CAO KỶ LỤC

Trong tháng 01/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tích cực cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2025 trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ cà phê trên thị trường thế giới tiếp tục duy trì ở mức cao, đặc biệt tại các thị trường truyền thống như EU, Hoa Kỳ và một số thị trường mới nổi.

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 01/2026, Việt Nam xuất khẩu 224,35 nghìn tấn cà phê, trị giá 1,08 tỷ USD, tăng 22,62% về lượng và tăng 14,06% về trị giá so với tháng 12/2025, đồng thời tăng 67,42% về lượng và tăng 48,33% về trị giá so với tháng 01/2025, đánh dấu mức cao nhất từ trước đến nay. Với kết quả này, cà phê vượt qua thủy sản để trở thành mặt hàng sản phẩm nông nghiệp có trị giá xuất khẩu cao thứ hai (sau gỗ và sản phẩm gỗ). Trong bối cảnh thị trường thế giới còn nhiều biến động do các yếu tố như biến đổi khí hậu, chi phí logistics và xu hướng tiêu dùng thay đổi, ngành cà phê Việt Nam tiếp tục duy trì vai trò là một trong những ngành xuất khẩu nông sản chủ lực của nền kinh tế.

**Biểu đồ: Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng trong năm 2025-2026**



Nguồn: Cục Hải quan

Mặc dù lượng xuất khẩu tăng mạnh, tuy nhiên giá xuất khẩu bình quân có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước và cùng kỳ năm trước trong bối cảnh nguồn

cung cà phê trên thị trường thế giới có dấu hiệu cải thiện so với giai đoạn khan hiếm trước đó, đặc biệt là dự báo Brazil sẽ đón một mùa vụ kỷ lục vào năm 2026 với sản lượng lên tới 66,2 triệu bao. Cụ thể, giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 01/2026 đạt khoảng 4.820 USD/tấn, giảm 6,98% so với tháng 12/2025 và giảm 11,4% so với tháng 01/2025.

Trong tháng 01/2026, cà phê của Việt Nam được xuất khẩu sang nhiều thị trường trên thế giới, trong đó EU tiếp tục là khu vực nhập khẩu lớn nhất.

+ Xuất khẩu cà phê sang EU trong tháng 01/2026 đạt 105,73 nghìn tấn, trị giá 492,78 triệu USD, tăng 24,45% về lượng và tăng 16,8% về trị giá so với tháng 12/2025, đồng thời tăng 59,91% về lượng và tăng 38,63% về trị giá so với tháng 01/2025. EU hiện là khu vực tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới và cũng là thị trường xuất khẩu trọng điểm của cà phê Việt Nam nhờ lợi thế từ Hiệp định EVFTA.

Trong khối EU, Đức tiếp tục là thị trường nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 01/2026, xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 39,66 nghìn tấn, trị giá 175,46 triệu USD, tăng 11,45% về lượng và tăng 4,95% về trị giá so với tháng trước, đồng thời tăng 70,49% về lượng và tăng 44,81% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

Xuất khẩu cà phê tới thị trường Tây Ban Nha cũng tăng trưởng mạnh, với khối lượng đạt 17,38 nghìn tấn, trị giá 80,85 triệu USD, tăng 64,86% về lượng và tăng 53,28% về trị giá so với tháng trước. Điều này cho thấy nhu cầu cà phê tại các quốc gia Nam Âu đang có xu hướng gia tăng.

Ngoài ra, các thị trường như Italy, Ba Lan và Pháp cũng duy trì mức nhập khẩu ổn định, đóng góp quan trọng vào tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam.

Ngoài thị trường EU, xuất khẩu cà phê tới nhiều thị trường khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng đáng chú ý trong tháng 01/2026.

+ Tại khu vực ASEAN, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 14,85 nghìn tấn, trị giá 88,8 triệu USD, tăng 8,5% về lượng nhưng giảm 4,9% về trị giá so với tháng 12/2025, đồng thời tăng 61,26% về lượng và tăng 41,72% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trong khu vực này, Malaysia và Thái Lan là hai thị trường tiêu thụ lớn nhất. Malaysia nhập khẩu 4,72 nghìn tấn cà phê từ Việt Nam trong tháng 01/2026, trị giá 23,79 triệu USD, tăng 60,37% về lượng và tăng 50,81% về trị giá so với tháng trước. Trong khi đó, xuất khẩu sang Philippines và Indonesia giảm so với tháng trước, phản ánh sự biến động trong nhu cầu tiêu thụ của các thị trường này.

+ Đáng chú ý, xuất khẩu tới thị trường Algeria ghi nhận mức tăng trưởng rất mạnh trong tháng đầu năm 2026. Xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 16,29 nghìn tấn, trị giá 73,76 triệu USD, tăng 111,06% về lượng và tăng 101,41% về trị giá so với tháng trước, đồng thời tăng 296,01% về lượng và tăng 246,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Điều này cho thấy khu vực Bắc Phi đang trở thành thị trường tiềm năng cho xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong thời gian tới.

+ Hoa Kỳ tiếp tục là một trong những thị trường nhập khẩu cà phê quan trọng của Việt Nam. Trong tháng 01/2026, xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ đạt 12,33 nghìn tấn, trị giá 60,57 triệu USD, giảm 22,45% về lượng và giảm 17,97% về trị giá so với tháng 12/2025, nhưng vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2025.

+ Tại thị trường châu Á, xuất khẩu cà phê tới Nhật Bản và Hàn Quốc ghi nhận mức tăng trưởng khá tích cực. Xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 13,48 nghìn tấn, trị giá 68,92 triệu USD, tăng 25,82% về lượng so với tháng trước. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê tới Hàn Quốc đạt 3,97 nghìn tấn trong tháng 01/2026, trị giá 19,14 triệu USD, tăng 97,76% về lượng và tăng 80,57% về trị giá so với tháng trước.

+ Xuất khẩu cà phê tới thị trường Trung Quốc cũng có mức tăng trưởng rất mạnh so với cùng kỳ năm 2025. Trong tháng 01/2026, xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc đạt 8,81 nghìn tấn, trị giá 50,34 triệu USD, tăng 133,42% về lượng và tăng 261,88% về trị giá so với tháng 01/2025.

**Bảng: Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 01/2026**

Thị trường	Tháng 1/2026		So với tháng 12/2025 (%)		So với tháng 1/2025 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng xuất khẩu</b>	<b>224.348</b>	<b>1.081.251</b>	<b>22,62</b>	<b>14,06</b>	<b>67,42</b>	<b>48,33</b>

Thị trường	Tháng 1/2026		So với tháng 12/2025 (%)		So với tháng 1/2025 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>EU</b>	<b>105.725</b>	<b>492.779</b>	<b>24,45</b>	<b>16,8</b>	<b>59,91</b>	<b>38,63</b>
<i>Đức</i>	39.660	175.460	11,45	4,95	70,49	44,81
<i>Tây Ban Nha</i>	17.383	80.848	64,86	53,28	84,42	50,7
<i>Italy</i>	18.614	80.341	7,28	-0,57	38,97	17,37
<i>Ba Lan</i>	3.683	22.058	61,25	26,99	31,39	13,93
<i>Pháp</i>	4.012	21.157	89,16	84,34	52,08	49,53
<i>Hy Lạp</i>	1.848	8.014	158,82	125,69	252	176,7
<i>Bồ Đào Nha</i>	1.448	6.387	57,91	47,56	39,77	21,83
<i>Romania</i>	164	1.295	-64,27	-58,08	-60,1	-40,14
<i>Đan Mạch</i>	296	1.288	588,37	620,41	54,17	28,95
<b>ASEAN</b>	<b>14.846</b>	<b>88.797</b>	<b>8,5</b>	<b>-4,9</b>	<b>61,26</b>	<b>41,72</b>
<i>Thái Lan</i>	3.250	24.662	-14,9	-34,41	160,21	130,7
<i>Malaysia</i>	4.723	23.791	60,37	50,81	36,7	27,51
<i>Philippines</i>	2.655	19.062	-5,18	0,58	-16,72	-21,39
<i>Campuchia</i>	2.210	6.907	26	22,23	756,59	477,4
<i>Indonesia</i>	1.802	12.802	-19,8	-11,61	108,08	102,69
<i>Myanmar</i>	73	819			-18,89	-10,06
<i>Singapore</i>	119	670	16,67	-16,87	56,58	40,98
<i>Lào</i>	14	84	-12,5	-20,95	-41,67	-47,8
<b>Algeria</b>	<b>16.292</b>	<b>73.759</b>	<b>111,06</b>	<b>101,41</b>	<b>296,01</b>	<b>246,3</b>
<b>Nhật Bản</b>	<b>13.483</b>	<b>68.917</b>	<b>25,82</b>	<b>20,03</b>	<b>38,74</b>	<b>15,33</b>
<i>Nga</i>	13.664	65.527	33,13	19,68	82,14	68,06
<i>Hoa Kỳ</i>	12.330	60.567	-22,45	-17,97	16,47	14,78
<i>Hà Lan</i>	9.582	53.305	-2,75	-3,23	2,26	2,47
<i>Trung Quốc</i>	8.807	50.338	-11,39	-12,92	133,42	261,88
<i>Bỉ</i>	9.035	42.625	77,89	63,35	197,2	179,4

Thị trường	Tháng 1/2026		So với tháng 12/2025 (%)		So với tháng 1/2025 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Anh	5.841	30.836	108,09	59,29	82,82	63,2
Hàn Quốc	3.965	19.143	97,76	80,57	29,7	28,2
Ấn Độ	3.334	14.240	160,06	124,47	3105,77	3680,29
Ai Cập	2.405	9.826	62,5	54,03	86,29	49,88
Australia	1.901	9.266	27,07	17,14	99,27	55,83
Mexico	2.125	8.381	4,17	-7,75	36,39	10,33
Israel	731	3.882	-41,38	-47,72	-18,87	-34,15
Nam Phi	862	3.605	202,46	182,65	-23,51	-40,57
Canada	646	3.072	14,34	19,8	-29,48	-34,6
New Zealand	320	1.526	1085,19	572,09	1900	831,13
Chile	203	1.179	217,19	176,22	222,22	192,6

*Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan*

Trong tháng 01/2026, giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam có sự khác biệt khá lớn giữa các thị trường. Mức giá trung bình cao nhất được ghi nhận tại thị trường ASEAN với khoảng 5.981 USD/tấn, tiếp theo là Chile với 5.808 USD/tấn và Trung Quốc với 5.716 USD/tấn. Trong khi đó, giá trung bình xuất khẩu sang các thị trường như Mexico, Ai Cập và Nam Phi ở mức thấp hơn, dao động từ 3.900 – 4.100 USD/tấn.

Sự chênh lệch về giá giữa các thị trường chủ yếu do sự khác biệt về chủng loại cà phê, chất lượng sản phẩm, chi phí logistics và cấu trúc thị trường tiêu thụ.

**Bảng: Giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 01/2026**

Thị trường	Tháng 1/2026 (USD/tấn)	So với tháng 12/2025 (%)	So với tháng 1/2025 (%)
Giá bình quân	4.820	-6,98	-11,4
ASEAN	5.981	-12,35	-12,12

<b>Thị trường</b>	<b>Tháng 1/2026 (USD/tấn)</b>	<b>So với tháng 12/2025 (%)</b>	<b>So với tháng 1/2025 (%)</b>
Chile	5.808	-12,92	-9,19
Trung Quốc (Đại lục)	5.716	-1,73	55,03
Hà Lan	5.563	-0,49	0,21
Israel	5.311	-10,81	-18,84
Anh	5.279	-23,45	-10,73
Nhật Bản	5.111	-4,6	-16,88
Hoa Kỳ	4.912	5,77	-1,46
Australia	4.874	-7,82	-21,8
Hàn Quốc	4.828	-8,69	-1,16
Nga	4.796	-10,1	-7,73
New Zealand	4.768	-43,29	-53,44
Canada	4.755	4,78	-7,26
EU	4.661	-6,15	-13,3
Algeria	4.527	-4,57	-12,55
Ấn Độ	4.271	-13,69	17,92
Nam Phi	4.182	-6,55	-22,29
Ai Cập	4.086	-5,21	-19,55
Mexico	3.944	-11,44	-19,11

*Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan*

### ***Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam:***

Xét theo chủng loại, cà phê Robusta tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 01/2026.

Theo đó, xuất khẩu cà phê Robusta đạt 188,45 nghìn tấn, trị giá 800,95 triệu USD, tăng 24,3% về lượng và tăng 16,0% về trị giá so với tháng 12/2025, đồng thời tăng 54,5% về lượng và tăng 31,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Mặt hàng này chiếm khoảng 74,08% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng đầu năm 2026.

Sự tăng trưởng mạnh của cà phê Robusta chủ yếu do Việt Nam là quốc gia sản xuất và xuất khẩu Robusta lớn nhất thế giới, trong khi nhiều quốc gia sản xuất cà phê khác như Brazil hay Indonesia chịu ảnh hưởng của thời tiết bất lợi trong thời gian qua. Điều này đã tạo cơ hội để cà phê Robusta của Việt Nam mở rộng thị phần trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, xuất khẩu cà phê Arabica cũng ghi nhận mức tăng trưởng rất mạnh trong tháng 01/2026 nhờ nhu cầu ngày càng tăng đối với các loại cà phê chất lượng cao trên thị trường quốc tế. Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Arabica đạt 17,44 nghìn tấn, trị giá 129,12 triệu USD, tăng 47,1% về lượng và tăng 45,0% về trị giá so với tháng trước, đồng thời tăng tới 109,8% về lượng và tăng 159,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

Ngoài ra, xuất khẩu cà phê chế biến trong tháng 01/2026 đạt 151,1 triệu USD, tăng 29,5% so với tháng 01/2025. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy ngành cà phê Việt Nam đang dần chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và giảm phụ thuộc vào xuất khẩu cà phê nhân thô. Xu hướng này phù hợp với chiến lược phát triển ngành cà phê Việt Nam theo hướng bền vững, chú trọng chất lượng và giá trị gia tăng thay vì chỉ tập trung vào sản lượng.

### **Chủng loại cà phê xuất khẩu trong tháng 01/2026**

<b>Chủng loại</b>	<b>Tháng 01/2026</b>		<b>So với tháng 12/2025 (%)</b>		<b>So với tháng 01/2025 (%)</b>	
	<b>Lượng (tấn)</b>	<b>Trị giá (nghìn USD)</b>	<b>Lượng</b>	<b>Trị giá</b>	<b>Lượng</b>	<b>Trị giá</b>
<b>Tổng</b>	<b>224.348</b>	<b>1.081.251</b>	<b>22,6</b>	<b>14,1</b>	<b>56,4</b>	<b>39,5</b>
Robusta	188.450	800.948	24,3	16,0	54,5	31,6
Arabica	17.440	129.119	47,1	45,0	109,8	159,3
Cà phê Excelsa	19	98	-66,7	-66,1		
Cà phê chế biến		151.085		-10,3		29,5

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan*

### ***Một số chính sách, quy định tác động đến xuất khẩu cà phê trong năm 2026***

Trong năm 2026, hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam dự kiến sẽ chịu tác động từ nhiều chính sách và quy định mới từ các thị trường nhập khẩu lớn. Các chính sách này chủ yếu tập trung vào yêu cầu phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, kiểm soát chất lượng và minh bạch chuỗi cung ứng. Trong đó, quy định có tác động lớn nhất đến ngành cà phê Việt Nam là Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EU Deforestation Regulation – EUDR), được thông qua năm 2023. Theo quy định này, các mặt hàng nông sản nhập khẩu vào EU, trong đó có cà phê, phải chứng minh không liên quan đến hoạt động phá rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020.

EUDR chính thức có hiệu lực từ ngày 29/6/2023 và bắt đầu áp dụng bắt buộc từ ngày 30/12/2025 đối với các doanh nghiệp lớn và vừa, trong khi doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ phải tuân thủ từ ngày 30/6/2026. Các sản phẩm (cà phê, cao su, gỗ, ca cao, ...) xuất khẩu vào EU phải chứng minh không liên quan đến phá rừng sau ngày 31/12/2020 và truy xuất được nguồn gốc.

Theo đó, kể từ ngày 30/12/2025, mọi lô hàng cà phê xuất khẩu vào EU phải đi kèm với chứng minh rằng sản phẩm không được trồng trên diện tích đất có hoạt động phá rừng sau tháng 12/2020. Yêu cầu này đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ đầy đủ và cung cấp bản đồ xác định chính xác vị trí địa lý của từng vùng trồng cà phê. Đây là một thách thức lớn đối với ngành cà phê Việt Nam, nơi phần lớn sản lượng đến từ các nông hộ nhỏ lẻ với hệ thống quản lý truyền thống.

Quy định này đặt ra thách thức lớn cho ngành cà phê Việt Nam, khi phần lớn sản lượng được sản xuất bởi các hộ nông dân nhỏ lẻ, trong khi hệ thống truy xuất nguồn gốc và dữ liệu đất đai chưa đồng bộ. Tuy nhiên, việc đáp ứng các yêu cầu của EUDR cũng được xem là cơ hội để ngành cà phê Việt Nam nâng cao tính minh bạch và phát triển theo hướng bền vững hơn.

Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và dư lượng hóa chất tại các thị trường nhập khẩu tiếp tục được siết chặt. Đối với thị trường EU, cà phê

nhập khẩu phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật, cũng như các tiêu chuẩn kiểm soát vi sinh vật trong thực phẩm. Những lô hàng không đáp ứng yêu cầu có thể bị từ chối nhập khẩu hoặc thu hồi khỏi thị trường. Ngoài ra, các quy định về ghi nhãn sản phẩm và truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng thực phẩm cũng ngày càng được tăng cường tại nhiều thị trường.

Những chính sách, quy định mới sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành cà phê chuyển đổi theo hướng sản xuất bền vững, minh bạch và nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc chủ động thích ứng với các quy định mới, đặc biệt là các tiêu chuẩn về môi trường và truy xuất nguồn gốc, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và mở rộng thị phần cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế trong thời gian tới.

### ***Đánh giá triển vọng***

Trong thời gian tới, triển vọng xuất khẩu cà phê của Việt Nam được đánh giá tương đối khả quan nhờ một số yếu tố như nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu tiếp tục tăng, đặc biệt tại các thị trường châu Á, các hiệp định thương mại tự do tiếp tục phát huy hiệu quả và xu hướng tiêu dùng cà phê chế biến ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, ngành cà phê cũng phải đối mặt với một số thách thức như biến động giá trên thị trường thế giới, các quy định về phát triển bền vững và truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe, đặc biệt từ thị trường EU.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam có nhiều yếu tố thuận lợi từ cả phía cung và cầu của thị trường thế giới. Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2025-2026 dự kiến đạt khoảng 178,8 triệu bao (loại 60 kg/bao), tăng khoảng 2% so với niên vụ trước, trong khi tiêu thụ toàn cầu dự kiến đạt khoảng 173,9 triệu bao, tiếp tục lập mức cao kỷ lục. Điều này cho thấy nhu cầu tiêu thụ cà phê trên thế giới vẫn duy trì xu hướng tăng ổn định, đặc biệt tại các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ và các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á. Bên cạnh đó, tồn kho cà phê toàn cầu có xu hướng giảm và duy trì ở mức thấp, góp phần hỗ trợ giá cà phê trên thị trường quốc tế trong trung và dài hạn. Nhu cầu tiêu dùng gia tăng cùng với xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm cà phê chế biến,

cà phê hòa tan và cà phê đặc sản đang mở ra cơ hội nâng cao giá trị gia tăng cho ngành cà phê Việt Nam.

Ngoài ra, các Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP và RCEP tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho cà phê Việt Nam tiếp cận các thị trường lớn với mức thuế ưu đãi. Việt Nam có lợi thế là quốc gia xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới, trong bối cảnh nhiều nhà rang xay tăng sử dụng Robusta để thay thế một phần Arabica khi giá Arabica tăng cao. Điều này giúp cà phê Việt Nam duy trì sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, ngành cà phê cũng phải đối mặt với một số thách thức như biến động giá trên thị trường thế giới, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến năng suất, cũng như các yêu cầu ngày càng khắt khe về phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc và chống phá rừng từ các thị trường nhập khẩu, đặc biệt là EU. Những yêu cầu này đòi hỏi doanh nghiệp và người sản xuất phải nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, minh bạch chuỗi cung ứng và đẩy mạnh chế biến sâu để duy trì khả năng cạnh tranh.